

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2026/HSST

Ngày: 28/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Lưu Thị Hà**

Ông Trương Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Anh Tú** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên
tòa: **Ông Đỗ Hoàng Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân khu vực
5 – Hà Nội và Trại tạm giam số 2 Công an TP. Hà Nội, Tòa án nhân dân khu
vực 5 – Hà Nội xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số
310/2026/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 352/2026/QĐXXST – HS ngày 13/7/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **H V Đ** Sinh ngày: 25/5/1988 Giới tính: Nam

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản Khến T, xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Mường Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 07/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do

Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không

Họ và tên bố: Hà Văn L sinh năm: 1964

Họ và tên mẹ: Trần Thị Q sinh năm: 1964

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Họ và tên vợ: Lò Thị X sinh năm: 1994

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án: Bản án HSST số 57 ngày 16/7/2019, TAND
huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La xử 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 10/3/2026, tạm giam
từ ngày 19/3/2026 đến nay tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội.

*Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Quang Đạo, trợ giúp viên pháp lý,
Trung T trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội- Chi nhánh số 11.

(Bị cáo, ông Lê Quang Đạo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 08/3/2026, Đinh Công T đến phòng trọ của H V Đ tại thôn Lam Cầu, xã Thuận An, Hà Nội chơi và ngủ lại.

Sáng ngày 09/3/2026, khoảng 07 giờ, Đ điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 24AA-388.78 đến phòng trọ của Mùi Văn Q (sinh năm 2004, đăng ký thường trú tại xã Phù Yên, tỉnh Sơn La) để mua ma túy sử dụng. Tại đây, H V Đ đưa cho Q 300.000 đồng để mua ma túy heroin. Sau khi nhận tiền, Q giao cho Đ 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng là ma túy heroin. Đ cất số ma túy này vào túi quần rồi trở về phòng trọ.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tại phòng trọ của mình, Đ lấy gói ma túy heroin vừa mua đưa cho Đinh Công T và bảo T sử dụng. T tự lấy giấy bạc và bật lửa, đổ một phần ma túy lên giấy bạc để sử dụng. Khi Đ đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì Hoàng Văn T gọi điện thông báo đang đứng ngoài cổng phòng trọ. Đ đi ra mở cổng thì lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính và phát hiện, thu giữ vật chứng.

Trong quá trình đưa Đ, T và T về trụ sở làm việc, Hà Văn H đến phòng trọ của Đ. Tại chỗ, H khai nhận đến gặp Đ để xin ma túy heroin sử dụng nhưng chưa gặp được thì bị lực lượng Công an kiểm tra.

Quá trình điều tra còn xác định, trước khi bị phát hiện, H V Đ đã hai lần bán trái phép ma túy heroin, cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng 17 giờ ngày 07/3/2026, tại khu vực dãy nhà trọ nơi Đ ở, Hà Văn H gặp và mua của Đ 01 gói ma túy heroin với giá 200.000 đồng. Sau khi giao ma túy, Đ nhận đủ số tiền trên.

Lần thứ hai, khoảng 08 giờ ngày 08/3/2026, Hoàng Văn T gọi điện cho Đ hỏi mua 300.000 đồng ma túy heroin. Đ đồng ý và hẹn gặp T tại khu vực bãi vật liệu xây dựng đầu đường liên thôn, cạnh bờ mương thôn Lam C, xã Thuận An, Hà Nội. Tại đây, Đ giao cho T 01 gói ma túy heroin. Do chưa có tiền mặt nên T còn nợ tiền mua ma túy. Đến 10 giờ 18 phút ngày 09/3/2026, T chuyển khoản số tiền 290.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Đ để thanh toán tiền mua ma túy, còn nợ lại 10.000 đồng.

Lời khai của H V Đ phù hợp với lời khai của Đinh Công T, Hà Văn H, Hoàng Văn T; phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, dữ liệu chuyển khoản ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trên cơ sở kết quả điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội ban hành Cáo trạng số 137/CT-VKSKV5 ngày 19/6/2026 truy tố bị cáo H V Đ về các tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H V Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố; không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo

tại cơ quan điều tra; đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H V Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 điều 251 và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 điều 255 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b,q khoản 2 điều 251; khoản 1 điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 (đối với tội Tổ chức sử dụng) điều 38, điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đ mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 11 năm đến 12 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ, 01 mảnh giấy bạc, 01 bát lửa màu đỏ.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại OPPO A6, 01 xe máy Yamaha Exciter màu đen trắng, BKS 24AA-388.78 đã qua sử dụng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 giấy mua bán xe máy BKS 24AA-388.78.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Redmi A3 màu xanh đã qua sử dụng. Truy thu của bị cáo số tiền 490.000đ sung quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, lại nghiện ma túy; nhận thức pháp luật còn hạn chế.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả xét hỏi, tranh luận và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, lời khai của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh

Tại phiên tòa, bị cáo H V Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của Đinh Công T, Hà Văn H, Hoàng Văn T; phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, dữ liệu chuyển khoản ngân hàng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 07/3/2026, bị cáo H V Đ đã bán trái phép 01 gói ma túy Heroine cho Hà Văn H với giá 200.000 đồng và đã nhận đủ số tiền này.

Ngày 08/3/2026, bị cáo tiếp tục bán 01 gói ma túy Heroine cho Hoàng Văn T với giá 300.000 đồng; sau khi giao ma túy, bị cáo đã nhận 290.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, còn nợ 10.000 đồng.

Đến ngày 09/3/2026, sau khi mua ma túy Heroine từ Mùi Văn Q, bị cáo cất giữ tại phòng trọ của mình. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo chủ động lấy ma túy đưa cho Đinh Công T sử dụng ngay tại phòng trọ của bị cáo. T đã chuẩn bị giấy bạc, bật lửa để sử dụng ma túy; khi bị cáo chuẩn bị sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện và thu giữ vật chứng.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã thực hiện việc bán ma túy cho hai người khác nhau trong hai lần khác nhau nhằm mục đích thu lợi bất chính. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự về tình tiết phạm tội từ hai lần trở lên.

Bị cáo H V Đ trước đây đã bị Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57 ngày 16/7/2019. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2025.

Theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự, bị cáo chưa đủ thời gian để được đương nhiên xóa án tích. Trong thời gian chưa được xóa án tích, đến các ngày 07/3/2026 và 08/3/2026, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Hành vi phạm tội trước đây của bị cáo là tội phạm do cố ý thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; sau khi chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện tội phạm do cố ý. Do đó, bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội truy tố bị cáo H V Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi xảy ra ngày 09/3/2026, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H V Đ là người trực tiếp bỏ tiền mua ma túy, quản lý số ma túy sau khi mua về phòng trọ; khi Đinh Công T đến phòng trọ, bị cáo đã chủ động lấy ma túy đưa cho T sử dụng tại chính nơi ở của bị cáo. Việc đưa ma túy cho T sử dụng không phải là hành vi thụ động, đơn thuần để mặc cho người khác sử dụng, mà bị cáo đã có sự chuẩn bị về địa điểm, chuẩn bị và cung cấp chất ma túy, tạo điều kiện để việc sử dụng trái phép chất ma túy được thực hiện.

Mặc dù Đinh Công T là người tự chuẩn bị giấy bạc và bật lửa để sử dụng ma túy, nhưng đây chỉ là dụng cụ phục vụ quá trình sử dụng; hành vi quyết

định làm phát sinh việc sử dụng ma túy là việc bị cáo mua, cất giữ và chủ động đưa ma túy cho T sử dụng tại phòng trọ do bị cáo quản lý.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo H V Đ phạm hai tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm phát sinh tệ nạn xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Mặc dù đã từng bị kết án về tội phạm ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội với tính chất liên tục, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đối với tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tình tiết tái phạm nguy hiểm đã được sử dụng làm căn cứ định khung hình phạt theo điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng tiếp làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội danh này.

Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã cân nhắc đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; số lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; nhân thân xấu của bị cáo; đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt nhưng dưới mức Viện kiểm sát đề nghị cao nhất là phù hợp, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và vẫn thể hiện chính sách khoan hồng.

[4] Về hình phạt bổ sung

Qua tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy bị cáo làm lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập và tài sản ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng

Đối với số ma túy còn lại sau giám định, giấy bạc có dấu vết sử dụng ma túy và bật lửa màu đỏ là những vật chứng liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với điện thoại OPPO A6, xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 24AA-388.78, giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy mua bán xe, quá trình điều tra xác định không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, không phải là vật chứng liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 490.000 đồng, đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hai lần bán trái phép chất ma túy cho Hà Văn H và Hoàng Văn T, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại di động Redmi A3 màu xanh đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định đây là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc phục vụ việc mua bán trái phép chất ma túy. Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện việc liên lạc, trao đổi liên quan đến việc mua bán ma túy được thực hiện thông qua thiết bị này.

Do đó, xác định điện thoại Redmi A3 là công cụ, phương tiện liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của H V Đ, Đinh Công T, Hà Văn H và Hoàng Văn T, Cơ quan điều tra đã xác minh các đối tượng không thuộc trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Công an thành phố Hà Nội đã xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Đối với Mùi Văn Q là người bán ma túy cho bị cáo, việc xử lý của Cơ quan điều tra không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí

Do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, q khoản 2 Điều 251, khoản 1 điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 (đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy); điều 53, điều 38, điều 55, điều 47 của Bộ luật Hình sự; điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo H V Đ phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

Xử phạt bị cáo 07 năm 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 03 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2026.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong có: 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa ma túy heroin và 01 mảnh giấy bạc có vết đốt cháy đen ở giữa, đã qua Giám định, được niêm phong dán kín, theo kết luận giám định số 2490/KL- KTHS ngày 19/03/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội. Bên ngoài có chữ ký của Giám định viên: Trần Ngọc Chinh, đương sự: H V Đ, Đinh Công T, cán bộ Lê Xuân Quý, có hình dấu tròn của Cơ quan Công an và 01 bật lửa màu đỏ.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại OPPO A6, 01 xe máy Yamaha Exciter màu đen trắng, BKS 24AA-388.78 đã qua sử dụng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 2400055774 và 01 giấy mua bán xe máy BKS 24AA-388.78

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Redmi A3 màu xanh đã qua sử dụng.

(hiện có tại Cơ quan CSĐT Công an TP. Hà Nội)

- Truy thu của bị cáo số tiền 490.000đ sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí:

Bị cáo được miễn án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSNDTP.Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội- PV06;
- Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà